

Số: 83/2020/DS-PT

Ngày: 11/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3753/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C**, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quyết Q1 - Công ty luật TNHH MTV Quyết Tâm thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy V**, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Thị O - Công ty luật TNHH Trung Cường thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Ng, nơi cư trú: số 2/43 Thăng L, phường 4, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị Th; nơi cư trú: số 215A Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Minh Ch; nơi cư trú: số 254A Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng thống nhất trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Kh1 và cụ Phạm Thị Đ sinh được 04 người con là: Bà Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn H1 (đã chết, không có vợ con), bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Nguyễn Mạnh C. Năm 1975 cụ Đ và cụ Kh1 ly hôn. Năm 1986 cụ Phạm Thị Đ được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện An Hải cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng ruộng đất diện tích 804m² đất tại xóm Bắc (nay là tờ bản đồ số 11, số 254 đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng). Quá trình sử dụng đất, cụ Đ đã chuyển nhượng một số diện tích đất, diện tích còn lại năm 2006 cụ Đ đã phân chia cho các con theo Biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006 (có xác nhận của UBND phường Đằng Gi), cụ thể: Cụ Phạm Thị Đ được quyền sở hữu, sử dụng phần nhà trên diện tích 153,4m² đất, thửa số 90, tờ bản đồ số 11 và diện tích 22,9m² đất tại thửa 92 tờ bản đồ số 11, con gái Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng diện tích 73m² đất, thửa 81, tờ bản đồ số 11; con trai Nguyễn Mạnh C được sử dụng diện tích 75,7m², thửa 91 tờ bản đồ số 11. Các bên đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) năm 2008. Cụ Đ chết ngày 20/6/2012, không để lại di chúc.

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C khai: Diện tích 66,76m² đất tại thửa 102 và diện tích 208m² đất, thửa 103, tờ bản đồ 11 tại 254 Đông Kh, phường Đằng Gi đều nằm trong diện tích 804m² của cụ Đ được cấp năm 2006. Diện tích 66,76m² đất nằm cách biệt nên cụ Đ có ý định chuyển nhượng nên không đưa vào để phân chia. Diện tích 208m² đất tại thửa 103 ban đầu là ao, khoảng năm 1988, 1989 cụ Đ cho ông bà Mạnh, Chúc mượn để san lấp ao xây nhà. Khoảng năm 1993, 1994 cụ Đ lấy lại diện tích đất này và đã trả tiền san lấp ao, xây nhà cho ông bà Mạnh, Chúc, diện tích đất này do cụ Đ có ý định cho bà V nên không đưa vào biên bản phân chia tài sản.

Khi ông C được cấp GCNQSDĐ, diện tích là 98,6m², trong đó gồm 75,7m² tại thửa 91 (là diện tích ông C được cụ Đ chia) và 22,9m² tại thửa 92 (phần của cụ Đ) do khi làm thủ tục cấp UBND phường giải thích 22,9m² đất không đủ để cấp giấy chứng nhận nên cụ Đ đã cho ông C diện tích đất này để nhập vào diện tích 75,7m².

Ngày 22/12/2008 cụ Đ lập hợp đồng tặng cho ông C nhà trên diện tích 153,4m² thửa 90 (của cụ Đ được chia) tại Phòng công chứng số 3. Khi công chứng

xong ông C đã đưa cụ Đ vào Huế (vợ chồng ông C sống ở Huế) để chữa bệnh. Theo yêu cầu của ông Quang - Trưởng phòng công chứng, ông C phải bổ sung xác nhận tình trạng độc thân của cụ Đ, đến ngày 15/12/2011 ông C mới làm xong nên hợp đồng tặng cho ghi ngày 16/12/2011 là ngày công chứng.

Ngày 25/12/2012 ông C đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 154,27m² (diện tích đo thực tế) cụ Đ tặng cho.

Quá trình sử dụng đất ngày 16/3/2017 ông C đã chuyển nhượng 42m² đất tại thửa số 90 tờ bản đồ số 11 trong tổng diện tích 154,27m² cho ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị Th, khoảng 50m² diện tích đất còn lại chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Minh Ch (vợ ông C) vào tháng 2/2017.

Ngày 21/3/2014 ông C, bà V thống nhất thỏa thuận diện tích 66,76m² tại thửa 102 làm nhà thờ chung. Diện tích 22,9m² ông C vẫn được sử dụng vì đã được cấp GCNQSDĐ. Diện tích 208m² đất trả lại cho bà V nhưng sau đó bà V lại thay đổi không đồng ý.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Đ để lại là diện tích 66,76m² trên có 3 gian nhà cấp 4, thửa số 102, tờ bản đồ số 11 và diện tích 208m² đất trên có nhà xây 2,5 tầng và 7 gian phụ tại thửa số 103, tờ bản đồ số 11 tại số 254 đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật, cụ thể ông C nhận nhà trên diện tích 66,76m² đất còn lại sẽ lấy tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V khai: Diện tích 208m² đất thửa 203, tờ bản đồ số 11 tại số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng nằm trong diện tích 804m² đất mà cụ Đ đã được cấp. Trước đây cụ Đ đã chuyển nhượng cho ông Chúc bà Mạnh. Năm 1993 vợ chồng bà khi hồi hương về nước được bồi thường một khoản tiền từ Liên hiệp quốc nên đã mua lại của vợ chồng ông Chúc và bà Mạnh (có giấy chuyển nhượng), ông C biết rõ điều này nhưng vẫn kiện đòi chia thừa kế diện tích đất này là vì năm 2008 bà V và chồng là ông Dũng đã ly hôn, để đảm bảo tài sản này cho các con nên bà V đã nhờ mẹ là cụ Đ đứng ra nhận là đất của cụ Đ và Tòa án chỉ chia tài sản chung của vợ chồng là phần kiến trúc xây dựng nhà trên đất. Vì vậy, diện tích 208m² đất thực chất không phải là của cụ Đ mà là của bà và ông Dũng; diện tích 66,76m² là của cụ Đ đã cho bà V sử dụng quản lý từ năm 1998 thực tế bà cùng cụ Đ đã sử dụng quản lý, cụ Đ có ý định sau này sẽ làm thủ tục cho bà V; do vậy hai diện tích đất này cụ Đ không phân chia tại biên bản hợp gia đình năm 2006.

Đối với diện tích 22,9m² thửa 92 là tài sản của cụ Đ chưa chia cho ai, ông C đã tự nhập vào diện tích 75m² đất tại thửa 91 của ông C, UBND quận Ngô Q đã cấp GCNQSDĐ đứng tên ông C. Đối với diện tích 154,27m² tại thửa 90 do ông C làm hợp đồng lập sẵn ngày 22/12/2008 đã nhiều lần ông C đưa cho cụ Đ ký nhưng cụ Đ không đồng ý cho ông C (điều này cụ Đ đã nói cho bà V khi còn sống). Ông C đã liên tục giục bà V làm thủ tục ủy quyền để làm giấy tờ đứng tên cụ Đ (đối với diện tích 208m² đứng tên cụ Đ để phù hợp với bản án ly hôn đã

quyết định sau đó cụ Đ sẽ làm thủ tục tặng cho bà V diện tích 208m² và 66,67m²). Khi làm hợp đồng tặng cho ông C đã cùng nhân viên công chứng kết hợp với nhau tra trộn bản hợp đồng tặng cho diện tích đất 153,4m² của cụ Đ đã làm sẵn ngày 22/12/2008 để cụ Đ ký cùng ngày 16/12/2011 vì thế nên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng ủy quyền được công chứng cùng ngày 16/12/2011. Sau khi cụ Đ làm hợp đồng ủy quyền cho bà V xong thì cụ Đ mất do vậy giấy ủy quyền hết hiệu lực nên bà không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mặc dù diện tích 208m² đất là của vợ chồng bà và diện tích 66,67m² đất cụ Đ sẽ cho bà. Còn ông C đã tự ý làm thủ tục chuyển 154,27m² đất đứng tên cụ Đ sang tên ông C.

Bà V có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa chia di sản thừa kế đối với diện tích 154,27m², trên có nhà và vật kiến trúc, tại thửa số 90, tờ bản đồ số 11 tại số 254C và diện tích đất 22,9m², trên có vật kiến trúc, tại thửa 92, tờ bản đồ số 11, tại số 254B đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH252739 diện tích 154,27m², thửa số 90, tờ bản đồ số 11 do UBND quận Ngô Q cấp ngày 25/10/2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO499013 diện tích 98,61m² thửa 91, 92, tờ bản đồ số 11 đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng do UBND quận Ngô Q cấp cho ông Nguyễn Mạnh C ngày 15/12/2008.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Diện tích 208m² đất thửa 103 và 66,9m² đất thửa 102, tờ bản đồ số 11 tại số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng của cụ Đ chưa chia cho ai. Bà Ng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, phần được hưởng thừa kế của bà Ng sẽ nhận bằng tiền.

- Bà Nguyễn Thị Minh Ch khai: Ngôi nhà 2 tầng trên diện tích 154m² tại số 254A Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của bà và ông C. Bà Ch từ chối quyền lợi về ngôi nhà, nhượng lại quyền lợi cho ông C được toàn quyền xử lý. Bà Ch từ chối không tham gia tố tụng.

- Bà Nguyễn Thị Th khai: Năm 2017 bà đã nhận chuyển nhượng của ông C diện tích 42m² đất, giá 12 triệu/m². Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng và bà Th đã trả tiền và nhận đất, đã sang sửa lại lối đi khoảng 100 triệu đồng, diện tích đất vẫn đứng tên ông C chưa chuyển sang tên bà được vì đang có tranh chấp. Bà Th từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

- UBND quận Ngô Q có quan điểm tại Văn bản số 1115/UBND-TNMT ngày 20/9/2017: Theo giấy xác nhận ngày 05/10/2007 của UBND phường Đằng Gi, về nguồn gốc những thửa đất các bên đang tranh chấp tại tờ bản đồ địa chính số 11 là của cụ Phạm Thị Đ có Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số 11

là 180GCCN/QĐ do UBND huyện An Hải cấp ngày 16/6/1986. Năm 1998 cụ Đ đã tự chia tách thửa cho các con: Cụ Đ: diện tích 153,4m², thửa đất số 90, diện tích 22,9m², thửa đất số 92; bà Ng: diện tích 73m² thửa 81; ông C: diện tích 75,7m², thửa số 91; bà V: diện tích 210m² thửa 103. Ngày 30/12/2006 gia đình cụ Đ có biên bản họp về việc thống nhất quyền sử dụng đất của các thành viên trong gia đình cụ thể: Bà Ng được diện tích 62,20m², sử dụng một phần thửa 81; ông C: diện tích 75,7m², thửa 91 và diện tích 22,9m² một phần thửa số 81 diện tích 10,75m²; cụ Đ: diện tích 153,4m² thửa số 90. Năm 1998 cụ Đ đã chuyển nhượng cho bà Năm 90,7m² đất trong diện tích 149m² thửa 189 tờ 1 diện tích 149m² đăng ký thửa 89, diện tích còn lại cụ Đ đăng ký tại thửa số 102 tờ 11 diện tích 73,2m².

Căn cứ vào đơn xin cấp, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2008 giữa cụ Đ cho ông C, UBND quận Ngô Q đã cấp GCNQSDĐ ngày 15/12/2008 đối với thửa 99, 92, tờ 11, diện tích 98,61m² đứng tên ông C và cấp GCNQSDĐ số AN 448561 ngày 31/7/2008 thửa 90, tờ 1, diện tích 154,27m² đứng tên cụ Đ và ngày 25/10/2012 UBND quận Ngô Q cấp GCNQSDĐ số BH 252739 cho ông C diện tích đất cụ Đ đã tặng cho.

Tại Bản án dân sự số 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 645, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với việc chia di sản thừa kế diện tích nhà và đất 22,9m² thuộc thửa 92 tờ 11 số nhà 254B đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích nhà và đất 154,27m² tại thửa 90 tờ 11 số 254 đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH252739 ngày 25/10/2012 của UBND quận Ngô Q cấp cho ông Nguyễn Mạnh C.

Xác định tài sản của cụ Phạm Thị Đ để lại gồm:

- Nhà và diện tích 66,76m² tại thửa 102 tờ bản đồ địa chính 11 tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng.

- Nhà và diện tích 208m² đất thửa số 103 tờ bản đồ địa chính 11 tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng.

- Diện tích 22,9m² đất tại thửa 92 tờ bản đồ địa chính 11 tại 254B Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng.

Tổng cộng là nhà và diện tích 297,66m² đất trị giá là 5.295.697.565 đồng.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật như sau:

Giao cho ông Nguyễn Mạnh C được quản lý sử dụng diện tích 66,76m² đất trên có phần xây dựng nhà 1 tầng tại thửa 102 tờ bản đồ địa chính 11 tại ngõ 254

Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (vị trí kích thước, mốc giới theo trích đo hiện trạng thửa đất năm 2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngô Quyền) và diện tích 22,9m² đất tại thửa số 91, 92 tờ bản đồ địa chính số 11 tại số nhà 254B đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 252739 của UBND quận Ngô Q cấp cho ông Nguyễn Mạnh C). Ông Nguyễn Mạnh C phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 311.497.017 đồng (trong đó 291.497.017,15 đồng trị giá 15,245m² đất và 20.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất)

Giao cho bà Nguyễn Thị Thúy V quản lý sử dụng diện tích 208m² đất trên có phần kiến trúc xây dựng nhà 2,5 tầng và 7 gian nhà phụ, tại thửa số 103 tờ bản đồ địa chính số 11, tại ngõ 254 Đông Kh phường Đằng Gi, quận Ngô Q thành phố Hải Phòng (vị trí kích thước mốc giới theo Trích đo hiện trạng thửa đất năm 2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngô Q). Bà V phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 1.012.427.373 đồng (trong đó 907.669.647 đồng trị giá diện tích 59,17m² đất + 104.757.726 đồng giá trị tài sản trên đất).

Bà Nguyễn Thị Ng được nhận từ ông Nguyễn Mạnh C số tiền 311.497.017 đồng và được nhận từ bà Nguyễn Thị Thúy V số tiền là 1.012.427.373 đồng. Tổng cộng là 1.323.924.390 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xác định diện tích 208m² tại thửa đất 103, tờ bản đồ số 11, 254 Đông Kh, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng là di sản thừa kế, xác định Hợp đồng tặng cho ngày 22/12/2008 vô hiệu và hủy GCNQSDĐ số BH 252739 mang tên ông Nguyễn Mạnh C.

Ngày 23/11/2019, ông Nguyễn Mạnh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xác định diện tích 22,9m² tại thửa 92, tờ bản đồ 11, tại 254 Đông Kh, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Đ để lại; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V; chia toàn bộ di sản thừa kế thành 3 phần ngang nhau và xác định lại án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đề nghị Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ Đ để lại chia thừa kế là diện tích đất 208m² thửa 103 và nhà, diện tích 66,76m² đất thửa 102 tại ngõ 254 Đông Kh, Ngô Q, Hải Phòng; chia toàn bộ di sản thừa kế thành 3 phần bằng nhau, giao ông Cương được sử dụng

66,76m² và tài sản trên đất; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và xác định lại án phí sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy V giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà V, xác định diện tích 208m² đất là của bà V, hủy GCNQSDĐ đã cấp mang tên ông C; chia di sản thừa kế của cụ Đ đối với diện tích 154m², 22,9m² và tài sản trên đất; xem xét lại tiền án phí dân sự sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng tuân thủ đầy đủ qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn làm trong hạn luật định đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà V thấy: Đối với nhà và diện tích đất 154m² trên có vật kiến trúc và tài sản gắn liền với đất, thửa 90, tờ 11, số 254C đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng, cụ Đ đã được cấp GCNQSDĐ. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2008 giữa cụ Đ và ông C về hình thức có chữ ký của cụ Đ và ông C, được công chứng ngày 16/11/2011 tại Phòng công chứng số 3, nội dung cụ Đ cho tặng ông C nhà cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất diện tích 154,27m², ông C đã được cấp GCNQSDĐ nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Bà V cho rằng khi ký hợp đồng, ông C đã kết hợp với Công chứng viên, có sự gian dối nhưng không có tài liệu chứng minh. UBND quận Ngô Q đã căn cứ Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đó để làm thủ tục chuyển đổi cấp GCNQSDĐ cho ông C ngày 25/10/2012 là hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 154,27m² đất là tài sản của ông C, không còn di sản để chia là có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bà V là đúng quy định của pháp luật.

Đối với diện tích 208m² đất trên có nhà 2,5 tầng và 7 gian phụ tại thửa 103, tờ bản đồ 11, số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng: Tại Bản án ly hôn số 05/2008/LH-ST ngày 31/3/2008 của Tòa án nhân dân quận Ngô Q đã xác định diện tích 208m² thuộc quyền sử dụng của cụ Đ, vật kiến trúc trên đất nhà 2,5 tầng là tài sản chung của bà V, ông Dũng và đã quyết định giao toàn bộ tài sản chung của bà V, ông Dũng gồm 01 gian nhà chính 2,5 tầng và 7 gian phụ xây dựng trên diện tích 208m² đất của cụ Đ và cụ Đ phải thanh toán cho bà V, ông Dũng mỗi người 109 triệu đồng (ông Dũng đã nhận đủ tiền). Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 149/TA-TDS ngày 01/3/2016 về việc “kiến nghị kháng nghị bản án theo thủ tục tái thẩm” vì có chứng cứ mới. Tại Thông báo số 27/TB-TANDCC-GĐKT ngày 23/6/2016 của

Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trả lời đơn ông Nguyễn Văn Dũng là không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án hôn nhân gia đình nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ nội dung bản án để xác định tài sản trên diện tích 208m² là di sản của cụ Đ để chia thừa kế là có căn cứ.

Về án phí sơ thẩm, cấp sơ thẩm trừ sau số học nên cần chấp nhận kháng cáo của bà V sửa lại phần án phí.

Xét kháng cáo của ông C thấy:

Đối với diện tích 22,9m² đất thừa 92, tờ bản đồ 11, tại 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng: Theo Biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006, cụ Đ được quyền sử dụng diện tích đất này. Mặc dù UBND quận Ngô Q cấp GCNQSDĐ cho ông C ngày 15/12/2008 và hiện nay ông C đã xây nhà, sinh sống ổn định từ năm 2008, song xét thấy Biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006 lưu trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ có phần sửa chữa (gạch 22,9m²) phần của cụ Đ chuyển sang ông C được chia chỉ có dấu của UBND phường Đằng Gi, chữ ký của bà V nhưng không có chữ ký của cụ Đ, bà Ng, ngoài ra không có chứng cứ nào khác, do vậy, không đủ cơ sở xác định của cụ Đ đã cho ông C diện tích đất trên nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích 22,9m² là di sản cụ Đ để lại và chia thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

Về việc chia di sản: Bà V là người ở cùng chăm sóc cụ Đ và thực tế bà V chưa được hưởng tài sản của cụ Đ theo biên bản họp gia đình, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia thừa kế đã xem xét tính công sức cho bà V tương đương 01 kỷ phần thừa kế là phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V, ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, chỉ sửa phần án phí sơ thẩm đối với bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền:

Ngày 20/6/2012, cụ Đ chết, ngày 26/6/2014, ông C có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế. Vụ án trong thời hạn khởi kiện theo quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đây là tranh chấp thừa kế tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

[1] Xác định nguồn gốc tài sản tranh chấp: là những diện tích đất tại tờ bản đồ số 11, số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng: Căn cứ vào lời khai của các đương sự đã phù hợp với nội dung tại Văn bản trả lời

ngày 20/9/2017 của UBND quận Ngô Q; Biên bản xác minh ngày 22/4/2015 và ngày 08/12/2015 tại UBND phường Đằng Gi, quận Ngô Q và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ kiện, Hội đồng xét xử xác định: Diện tích 153,4m² đất đo thực trạng 154,27m² đất thửa 90 và diện tích 89,61m² thửa 91, 92 hiện ông C đang quản lý sử dụng đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông C. Diện tích 73,3m² đất nay là 66,67m² đất và thửa số 103 diện tích 210m² đất nay là 208,1m² (theo trích đo hiện trạng diện tích giảm, do có sự biến động trong quá trình sử dụng), hiện bà V đang quản lý sử dụng đều nằm trong diện tích 804m² đất của cụ Đ được UBND huyện An Hải, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất số 180/GCN/QĐ ngày 16/6/1986. Do vậy xác định nguồn gốc tài sản diện tích đất tranh chấp nêu trên thuộc quyền quản lý sử dụng của cụ Phạm Thị Đ.

[2] Xét “Biên bản họp gia đình v.v thống nhất quyền sử dụng đất của các thành viên trong gia đình” ngày 30/12/2006: Về hình thức biên bản có đầy đủ chữ ký của cụ Đ và các con là bà Ng, bà V, ông C có chứng nhận của UBND phường Đằng Gi, quận Ngô Q, về nội dung: Phân chia diện tích đất cụ Đ được cấp năm 1986, tại xóm Bắc, Đông Kh, Đằng Gi, Ngô Q, Hải Phòng, cụ thể: Cụ Đ được sử dụng thửa 90 tờ bản đồ 11 diện tích 153,4m² và thửa 92 tờ 11 diện tích 22,9m² đất; bà Ng được sử dụng 73m² tại thửa 81 tờ 11; ông C được sử dụng thửa 91 diện tích 75,3m². Các bên đều thừa nhận có việc phân chia này. Như vậy sự thỏa thuận chia đất của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành và thực tế các bên đã thực hiện giao đất, tách thửa và đã được UBND quận Ngô Q cấp GCNQSDĐ và đã quản lý sử dụng từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và nội dung kháng cáo thấy:

[3.1] Đối với diện tích 66,76m² đất trên có 3 gian nhà trọ tại thửa 102 tờ bản đồ 11, số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi (bà V đang sử dụng) thuộc quyền quản lý sử dụng của cụ Đ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bà V khai sở dĩ chưa chia, không ghi vào biên bản họp gia đình vì cụ Đ có ý định sẽ tặng cho bà V nhưng chưa kịp làm thủ tục thì cụ Đ mất. ông C không thừa nhận lời khai của bà V. Bà Ng khai diện tích đất này là của cụ Đ chưa chia cho ai. Ngoài lời khai bà V, không có căn cứ nào khác nên xác định diện tích đất này là di sản của cụ Đ để lại chưa chia.

[3.2] Diện tích 208m² đất trên có nhà 2,5 tầng và 7 gian phụ tại thửa 103 tờ bản đồ 11 số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi (bà V đang quản lý sử dụng), bà V khai đây chính là diện tích của vợ chồng bà và ông Dũng mua lại của ông Chúc bà Mạnh, đã xây nhà 2,5 tầng và 7 gian phụ cho thuê và ở, theo giấy chuyển nhượng giữa hai bên có xác nhận của UBND phường Đằng Gi, nhưng do vợ chồng bà ly hôn bà muốn giữ lại tài sản này cho các con nên bà V đã khai gian dối là quyền sử dụng của cụ Đ và không xuất trình giấy chuyển nhượng giữa ông Mạnh bà Chúc với vợ chồng bà. Tại Bản án ly hôn số 05/2008/LHST ngày 31/3/2008

của Tòa án nhân dân quận Ngô Q đã xác định diện tích 208m² thuộc quyền sử dụng của cụ Đ, vật kiến trúc trên đất nhà 2,5 tầng là tài sản chung của bà V và ông Dũng và đã quyết định giao toàn bộ tài sản chung của bà V, ông Dũng gồm 01 gian nhà chính 2,5 tầng và 7 gian phụ được xây dựng trên diện tích 208m² đất của cụ Đ cho cụ Đ và cụ Đ phải thanh toán cho bà V và ông Dũng mỗi người là 109.000.000 đồng (ông Dũng đã nhận tiền). Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Văn bản số 149/TA-TDS ngày 01/3/2016 về việc “kiến nghị kháng nghị bản án theo thủ tục tái thẩm” vì có chứng cứ mới. Tại Thông báo số 27/TB-TANDCC-GĐKT ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc thông báo trả lời đơn đề nghị gửi ông Nguyễn Văn Dũng Thông báo nêu “*các tài liệu anh mới cung cấp cho thấy là năm 1993, vợ chồng bà Mạnh chỉ bán cho vợ chồng anh căn nhà chính 28m² và nhà phụ 12m², còn đất vợ chồng bà Mạnh xác định là của bà Đ*” do vậy không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình số 05/2008/LHST ngày 31/3/2008 của Tòa án nhân dân quận Ngô Q nêu trên. Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án này bà V đã cung cấp 01 “Giấy nhượng nhà” (BL số 72) với nội dung không có gì khác so với nội dung Thông báo số 27/TB-TANDCC-GĐKT ngày 23/6/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Theo Biên bản xác minh ngày 22/4/2015 và ngày 08/12/2015 tại UBND phường Đằng Gi thì việc chuyển nhượng đất giữa bà Mạnh, ông Chúc với bà V diện tích đất năm 1993 phường không lưu giữ và không có tài liệu nào thể hiện việc chuyển đổi đất giữa cụ Đ sang cho ông Chúc, Mạnh. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Bản án ly hôn số 05/2008/LHST ngày 31/3/2008 của TAND quận Ngô Q đã có hiệu lực pháp luật xác định diện tích 208m² đất trên có vật kiến trúc nhà 2,5 tầng và 7 gian nhà phụ tại tờ bản đồ số 11 số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng là di sản của cụ Đ để lại chưa chia như bản án sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn hủy GCNQSDĐ và chia di sản thừa kế:

[4.1] Đối với nhà và diện tích 22,9m² đất thửa 92, tờ bản đồ 11 tại số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng: Theo biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006 cụ Đ được quyền sử dụng diện tích đất này theo ông C khai do diện tích 22,9m² đất không đủ để cấp giấy chứng nhận nên cụ Đ đã cho ông đề gộp vào diện tích ông được cụ Đ chia nên UBND quận Ngô Q đã cấp GCNQSDĐ số AO499013 ngày 15/12/2008 cho ông C với diện tích là 98,61m² thửa 91 + 92 tờ bản đồ 11, số 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, Hải Phòng và hiện nay ông C đã xây dựng nhà, sinh sống ổn định từ năm 2008. Xét thấy tại Biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006 có phần sửa chữa (gạch 22,9m²) phần của cụ Đ chuyển sang phần ông C được chia chỉ có dấu của UBND phường Đằng Gi, chữ ký của bà V nhưng không có chữ ký của cụ Đ, bà Ng ngoài ra không còn chứng cứ nào khác. Do vậy việc chuyển đổi này không có hiệu lực vì không thể hiện ý chí của cụ Đ nên xác định diện tích 22,9m² là di sản cụ Đ để lại. Việc UBND quận Ngô Q đã căn cứ

vào biên bản họp gia đình đã bị sửa chữa cấp cho ông C GCNQSDĐ 98,61m² đất trong đó có 22,9m² đất là không đúng như bản án sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[4.2] Đối với nhà và diện tích đất 154,27m² trên có vật kiến trúc nhà và tài sản gắn liền với đất, thửa 90, tờ bản đồ 11 tại số 254C đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng: Theo Biên bản họp gia đình ngày 30/6/2006 cụ Đ được quyền sử dụng diện tích đất này và cụ Đ đã được cấp GCNQSDĐ. Xét Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 22/12/2008 giữa cụ Đ và ông C: Về hình thức có chữ ký của cụ Đ và chữ ký của ông C, được công chứng ngày 16/12/2011 tại Phòng công chứng số 3 với nội dung cụ Đ tặng cho ông C nhà cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất diện tích 154,27m². Xét thấy hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, ông C đã được cấp GCNQSDĐ nên hợp đồng tặng cho này có hiệu lực pháp luật. Bà V cho rằng khi ký hợp đồng này ông C đã kết hợp với Công chứng viên, có sự gian dối. Theo lời trình bày của Phòng Công chứng số 3: Ngày 14/12/2011 đã chứng nhận việc lập hợp đồng tại nhà (do cụ Đ già yếu đi lại khó khăn), sau đó đến ngày 16/12/2011 mới vào sổ đóng dấu xác nhận và trả kết quả. Ngày 22/12/2008 Phòng công chứng đã chứng nhận việc lập hợp đồng tặng cho tài sản giữa cụ Đ và ông C việc này lập tại Phòng công chứng số 3, nhưng do hồ sơ thiếu giấy tờ về tình trạng hôn nhân của cụ Đ nên Phòng công chứng đã yêu cầu bổ sung, đến ngày 15/12/2011 đương sự mới nộp bổ sung nên đến ngày 16/12/2011 mới công chứng và trả kết quả. Khi lập hợp đồng này các bên đều có mặt và ký trước mặt công chứng viên. Như vậy đã phù hợp với lời khai của ông C, ngoài lời khai của bà V không còn căn cứ nào khác nên không có cơ sở xác định hợp đồng tặng cho nêu trên có sự lừa dối. Do vậy xác định diện tích 154,27m² đất nêu trên là quyền sử dụng của cụ Đ đã tặng cho ông C, nên không còn di sản để chia do vậy không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[4.3] UBND quận Ngô Q đã căn cứ vào hợp đồng tặng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa cụ Đ với ông C để làm thủ tục chuyển đổi cấp GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất cho ông C ngày 25/10/2012 là hợp pháp theo Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 bổ sung năm 2009 nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận này của bà V là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Xác định di sản của cụ Đ để lại: Căn cứ vào kết quả định giá tại Chứng thư thẩm định giá ngày 17/10/2018 (theo giá thị trường giao dịch tại thời điểm xét xử); Kết quả định giá ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản quận Ngô Q xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Thị Đ để lại gồm:

- Diện tích 66,76m² đất trên có vật kiến trúc nhà 1 tầng, thửa 102 tờ bản đồ địa chính số ĐG11 tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, có trị giá đất là 1.059.162.822 đồng (66,76m² x 15.865.231đ/m² = 1.059.162.822đ) + giá trị nhà là 39.796.358đ.

- Diện tích 208m² đất trên có vật kiến trúc nhà 2,5 tầng và 7 gian nhà phụ thửa số 103 tờ bản đồ địa chính số ĐG11 tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, trị giá 3.224.543.837 đồng (15.495.165đ x 208m² = 3.224.543.837đ) + giá trị tài sản trên đất là 459.234.548đ.

- Diện tích 22,9m² đất tại thửa 92 bản đồ địa chính số ĐG11 tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng, trị giá 512.960.000 đồng (22,9m² x 22.400.00đ = 512.960.000đ).

Tổng cộng là 297,66m² đất trị giá bằng 4.796.666.659 đồng + giá trị nhà 499.030.906 đồng. Tổng cộng vật kiến trúc nhà và đất là 5.295.697.565 đồng.

[6] Xác định hàng thừa kế thứ nhất: Cụ Đ và cụ Kh1 có 4 người con, trong đó có ông Nguyễn Văn H1 đã chết (theo Quyết định số 05/2017/QĐDS-ST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Q về việc tuyên bố một người đã chết) không có vợ con. Cụ Đ chết không để lại di chúc. Như vậy người được hưởng thừa kế theo quy định của pháp luật là bà Nguyễn Thị Ng, bà Nguyễn Thị Thúy V, ông Nguyễn Mạnh C.

[7] Chia di sản thừa kế như sau:

Xét thấy khi còn sống cụ Đ chủ yếu ở với bà V từ năm 1993, bà V có công chăm sóc mẹ, quản lý sử dụng trông coi giữ gìn nhà và đất tại thửa 102 và 103. Biên bản họp gia đình ngày 30/12/2006 thể hiện khi phân chia đất bà Ng đã được nhận 73m² đất, ông C được 75m² và cụ Đ làm hợp đồng tặng cho ông C 154,27m², bà V chưa được chia diện tích đất. Do vậy cần chia cho bà V được hưởng phần công sức trông coi giữ gìn nhà và đất là 74,415m² đất trị giá 1.199.166.664,75 đồng + phần nhà là 124.757.726,5 đồng mới hợp lý hợp tình. Do vậy xác định di sản của cụ Đ chỉ còn lại là 223,245m² đất trị giá 3.597.499.994đồng (297,66m² - 74,415m² = 223,245m²) + phần nhà 374.273.179,5đồng. Cụ thể chia 223,245m²: 3 kỷ phần = 74,415m² đất, trị giá 1.199.166.664,75đồng + nhà là 374.273.179,5đồng: 3 kỷ phần = 124.757.726,5đồng.

- Bà Ng được nhận 74,415m² đất trị giá là 1.199.166.664,75đồng + phần nhà 124.757.726,5đồng, Tổng cộng là 1.323.924.391đồng.

- Ông C được nhận 74,415m² đất trị giá là 1.199.166.664,75đồng + 124.757.726,5đồng. Tổng cộng là 1.323.924.391,25đồng.

- Bà V được nhận 74,415m² (phần công sức giữ gìn đất) và 74,415m² (phần được thừa kế) = 148,83m² trị giá 2.398333.32,5đồng + nhà 249.515.453đồng. Tổng cộng là 2.647.848.782đồng.

Việc xác định hàng thừa kế và chia di sản thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Xét thấy nguyện vọng của ông C nhận nhà và đất diện tích 66,76m² để làm nơi thờ tự vì ông là con trai, và diện tích 22,9m² ông C đã xây nhà cùng diện tích 75 m², đã ở ổn định và đã được cấp GCNQSDĐ. Bà V hiện đang sử dụng diện tích 208m² tại thửa số 103. Bà Ng hiện đang ở thành phố Hồ Chí Minh, đề

ngiht nhận phần thừa kế trị giá bằng tiền nên chia thừa kế bằng tiền và hiện vật cho phù hợp với thực tế các bên sử dụng;

Ông C được nhận 66,76m² trị giá 1.059.162.822đồng + 22,9m² trị giá 512.960.000đồng tổng cộng là 89,66m² trị giá 1.572.122.822đồng + phần nhà 39.796.358đồng ông C phải trả cho bà Ng số tiền nhà và đất tổng cộng là 311.497.017đồng (trong đó 291.497.017,15đồng trị giá 15,245m² (7,65m² x 15.865.231đồng = 121.369.017,15đồng + 7,595m² x trị giá 170.128.000đồng) + 20.000.000đồng phần nhà.

Bà V được nhận 208m² đất trị giá 3.224.543.837đồng và trả cho bà Ng số tiền là 1.012.427.373đồng (trong đó 907.669.647 đồng trị giá 59,17m² (208m² - 148,83m² = 59,17m² trị giá 907.669.647đồng) + 104.757.726,5đồng giá trị nhà.

Về án phí dân sự sơ thẩm, cấp sơ thẩm có sai sót số học nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo về nội dung này của bà V, sửa án phí dân sự sơ thẩm đối với bà V.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy tại cấp phúc thẩm không có căn cứ gì mới để xem xét nội dung kháng cáo của ông C, bà V, do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, không chấp nhận kháng cáo của ông C, chấp nhận một phần kháng cáo của bà V về án phí sơ thẩm.

[8] Về án phí: Bà V được chấp nhận một phần kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông C kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Mạnh C; chấp nhận một phần kháng cáo về án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị Thúy V, không chấp nhận các nội dung kháng cáo khác của bà V; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 645, 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn đối với việc chia di sản thừa kế diện tích nhà và đất 22,9m² thuộc thửa 92, tờ 11, số nhà 254B đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích nhà và đất 154,27m² tại thửa 90, tờ 11, số 254 đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

BH252739 ngày 25/10/2012 của UBND quận Ngô Q cấp cho ông Nguyễn Mạnh C.

Xác định tài sản của cụ Phạm Thị Đ để lại gồm:

- Nhà và diện tích 66,76m² tại thửa 102, tờ bản đồ địa chính 11, tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

- Nhà và diện tích 208m² đất thửa số 103, tờ bản đồ địa chính 11, tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích 22,9m² đất tại thửa 92, tờ bản đồ địa chính 11, tại 254B Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng.

Tổng cộng là nhà và diện tích 297,66m² đất trị giá là 5.295.697.565 đồng.

Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật như sau:

Giao cho ông Nguyễn Mạnh C được quản lý sử dụng diện tích 66,76m² đất trên có phần xây dựng nhà 1 tầng tại thửa 102, tờ bản đồ địa chính 11, tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (vị trí kích thước, mốc giới theo trích đo hiện trạng thửa đất năm 2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngô Q) và diện tích 22,9m² đất tại thửa số 91, 92, tờ bản đồ địa chính số 11, tại số nhà 254B đường Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 252739 của UBND quận Ngô Q cấp cho ông Nguyễn Mạnh C). Ông Nguyễn Mạnh C phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 311.497.017 đồng (trong đó 291.497.017,15 đồng trị giá 15,245m² đất và 20.000.000 đồng giá trị tài sản trên đất).

Giao cho bà Nguyễn Thị Thúy V quản lý sử dụng diện tích 208m² đất trên có phần kiến trúc xây dựng nhà 2,5 tầng và 7 gian nhà phụ, tại thửa số 103, tờ bản đồ địa chính số 11, tại ngõ 254 Đông Kh, phường Đằng Gi, quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng (vị trí kích thước mốc giới theo Trích đo hiện trạng thửa đất năm 2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Ngô Q). Bà V phải thanh toán trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 1.012.427.373 đồng (trong đó 907.669.647 đồng trị giá diện tích 59,17m² đất + 104.757.726 đồng giá trị tài sản trên đất).

Bà Nguyễn Thị Ng được nhận từ ông Nguyễn Mạnh C số tiền 311.497.017 đồng và được nhận từ bà Nguyễn Thị Thúy V số tiền là 1.012.427.373 đồng. Tổng cộng là 1.323.924.390 đồng.

3. Về án phí:

* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Mạnh C phải nộp 51.717.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 4384 ngày 04/7/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng. Ông C còn phải nộp 41.717.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Thúy V phải nộp 51.917.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.500.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 6387 ngày

10/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngô Q, thành phố Hải Phòng. Bà V còn phải nộp 49.417.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ng phải nộp 51.717.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Mạnh C phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0010931 ngày 03/12/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0010921 ngày 03/12/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND Tp Hải Phòng;
- Cục THADS Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học